

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Quy trình Cấp điện)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngàytháng năm

HỢP ĐỒNG ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH ĐIỆN

Số:/201... /HĐĐT

Tên công trình

Giữa

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC.../CÔNG TY ĐIỆN LỰC

và

..... *(Tên Bên mua điện)*.....

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ nhu cầu mua điện của Bên mua điện và khả năng cung cấp điện của Bên bán điện,

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm....., chúng tôi gồm:

Bên bán điện (Bên A):

Địa chỉ.....

Đại diện là ông (bà):Chức vụ:.....

Công ty Điện lực / Điện lực.....

Địa chỉ.....

Số điện thoại:.....Fax.....Email:.....Website.....

Tài khoản số: tại Ngân hàng.....

Số điện thoại TTCSKH:.....

Theo văn bản uỷ quyền số:.....ngày.....

Bên mua điện (Bên B):.....

Địa chỉ giao dịch.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc doanh nghiệp số
do..... cấp ngày

Số điện thoại:..... Số Fax:.....

Mã số thuế:.....

Tài khoản số:.....tại Ngân hàng:.....

Đại diện là ông (bà):Chức vụ:.....

Theo văn bản uỷ quyềnngày.....

Số CMT/ hộ chiếu/ căn cước:.....do.....cấp ngày

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng đầu tư công trình điện với những nội dung sau:

Điều 1. Nội dung cụ thể

1. Hai bên thống nhất áp dụng CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ, CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG kèm theo Hợp đồng này. Các Phụ lục kèm theo (nếu có) là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
2. Mua bán điện năng:

Mục đích sử dụng điện; Địa điểm sử dụng điện; Vị trí đặt hệ thống đo đếm điện năng; Thời gian Bên B bắt đầu sử dụng điện được thống nhất chi tiết tại phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này

3. Bên B đăng ký Kế hoạch sử dụng điện gồm 03 giai đoạn: Giai đoạn chạy thử, Giai đoạn sản xuất thử; Giai đoạn sản xuất chính thức với Bên A như quy định tại CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này làm cơ sở thống nhất trách nhiệm đầu tư công trình điện để cấp điện như tại khoản 4 Điều này.
4. Trách nhiệm đầu tư công trình điện để cấp điện cho Bên B được hai bên thống nhất cam kết thực hiện như quy định tại CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này.
5. Bên B có nghĩa vụ nộp cho Bên A bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị như quy định tại CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này

Điều 2. Những thỏa thuận khác

.....
.....
.....
.....

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này chỉ được thực hiện khi hai bên ký phụ lục sửa đổi bổ sung Hợp đồng ít nhất 30 ngày trước khi hai Bên ký hợp đồng mua bán điện chính thức. Phụ lục sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng là một bộ phận không tách rời với Hợp đồng này. Nếu Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản trong Hợp đồng này thì điều khoản đó trong Hợp đồng này đã được sửa đổi.
2. Trừ khi được gia hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn, Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Bên A nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng cho đến khi hai bên thực hiện thủ tục chấm dứt hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành bản. Bên A giữ bản, Bên B giữ bản.

BÊN A

BÊN B

CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ

(Kèm theo Hợp đồng mua bán điện số

Điều 1. Các nội dung cụ thể

1. Mục đích sử dụng điện:
2. Địa điểm sử dụng điện:
3. Điểm đấu nối cấp điện:.....
4. Vị trí đặt hệ thống đo đếm điện năng:
5. Thời gian bắt đầu sử dụng điện:
6. Kế hoạch sử dụng điện:

a) Giai đoạn chạy thử: Từđến.....

Công suất yêu cầu: P_{max} :

P_{TB} :

P_{min} :

Điện năng sử dụng trung bình ngày (A_{tb} ngày):

Điện năng sử dụng 1 tháng (A_{kh}):

b) Giai đoạn sản xuất thử: Từđến.....

Công suất yêu cầu: P_{max} :

P_{TB} :

P_{min} :

Điện năng sử dụng trung bình ngày (A_{tb} ngày):

Điện năng sử dụng 1 tháng (A_{kh}):

c) Giai đoạn sản xuất chính thức: Từđến.....

Công suất yêu cầu: P_{max} :

P_{TB} :

P_{min} :

Điện năng sử dụng trung bình ngày (A_{tb} ngày):.....

(tương ứng với biểu đồ phụ tải điển hình một ngày đêm)

Điện năng sử dụng 1 tháng (A_{kh}):

d) Bảng đăng ký biểu đồ phụ tải theo các giai đoạn (kèm theo là phụ lục của Hợp đồng này)

Điều 2. Trách nhiệm đầu tư công trình điện để cấp điện

1. Trách nhiệm Bên A

Phạm vi đầu tư:

Quy mô đầu tư:..... trạm biến áp, dung lượng.....kVA; ĐZ..... km

Dự kiến vốn đầu tư:

Tiến độ thực hiện:

2. Trách nhiệm Bên B

Phạm vi đầu tư:

Quy mô đầu tư:..... trạm biến áp, dung lượng.....kVA; ĐZ..... km

Dự kiến vốn đầu tư:

Tiến độ thực hiện:

3. Biên bản thoả thuận về việc đầu tư, khảo sát, thi công lắp đặt thiết bị đo lường cho hệ thống đo đếm điện năng kèm theo là phụ lục của Hợp đồng này.

Điều 3. Đảm bảo thực hiện hợp đồng

1. Trong vòng ngày kể từ ngày Hợp đồng đã được hai bên ký kết, Bên B có trách nhiệm nộp cho Bên A thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang do ngân hàng Bên B có tài khoản phát hành để thanh toán tiền bồi thường và tiền phạt hợp đồng cho Bên A trong trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng. Bên B có nghĩa vụ duy trì bảo lãnh thực hiện hợp đồng này suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng.
2. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá trị vốn đầu tư dự kiến của Bên A là..... đồng.

Điều 4. Lãi suất bồi thường

Lãi suất tính bồi thường:.....

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

(Kèm theo Hợp đồng đầu tư công trình điện số)

Điều 1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Quyền của Bên A

- a) Từ chối ký hợp đồng mua bán điện khi Bên B không đầu tư đủ các nội dung theo thỏa thuận tại khoản 2 Điều 2 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này và theo các quy định hiện hành về ký kết hợp đồng mua bán điện.
- b) Kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận được ghi trong Hợp đồng để làm cơ sở lập biên bản nếu Bên B vi phạm hợp đồng.
- c) Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại khi Bên B vi phạm những điều đã cam kết.

2. Nghĩa vụ của Bên A

- a) Đảm bảo triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo nội dung thỏa thuận tại khoản 1 Điều 2 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo thỏa thuận và quy định pháp luật, cung cấp điện cho Bên B theo kế hoạch ghi tại khoản 6 Điều 1 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng khi Bên B đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 2 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ và các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này.
- b) Lắp đặt hệ thống đo đếm điện năng mua bán tại vị trí nêu tại khoản 4 Điều 1 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng.
- c) Bồi thường thiệt hại cho Bên B trong trường hợp không đảm bảo cung cấp điện theo kế hoạch sử dụng của Bên B ghi tại khoản 6 Điều 1 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng (Nếu thực tế đã gây thiệt hại cho Bên B và Bên B có yêu cầu bồi thường) trừ trường hợp được miễn trách nhiệm theo quy định tại Điều 5 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Quyền của Bên B

- a) Yêu cầu Bên A ký hợp đồng mua bán điện khi Bên B đã có đủ các điều kiện theo quy định.
- b) Yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại khi Bên A vi phạm nghĩa vụ cung cấp điện cho Bên B theo kế hoạch sử dụng nêu tại điểm c khoản 2 Điều 1 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG.

2. Nghĩa vụ của Bên B

- a) Có trách nhiệm giải phóng mặt bằng xây dựng công trình điện như thỏa thuận tại khoản 2 Điều 2 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng,

tạo điều kiện tốt nhất cho Bên A tiến hành lập thủ tục đầu tư và xây dựng công trình đúng tiến độ.

- b) Đảm bảo xây dựng công trình theo các nội dung đã thỏa thuận tại khoản 2 Điều 2 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo thỏa thuận và theo quy định.
- c) Sử dụng điện đúng mục đích, công suất và sản lượng đã cam kết tại Điều 1 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng. Bồi thường cho Bên A trong trường hợp không sử dụng đúng công suất và sản lượng đăng ký.
- d) Thực hiện việc bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 3 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này. Tạo điều kiện để Bên A kiểm tra việc thực hiện các điều khoản ghi trong Hợp đồng này.

Điều 3. Bên A bồi thường và phạt vi phạm hợp đồng cho Bên B

Trường hợp Bên A không đảm bảo cung cấp điện theo kế hoạch sử dụng của Bên B ghi tại khoản 6 Điều 1 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng (Nếu thực tế đã gây thiệt hại cho Bên B và Bên B có yêu cầu bồi thường) trừ trường hợp miễn trách nhiệm theo quy định tại Điều 5 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG, Bên A phải bồi thường cho Bên B như sau:

1. Trường hợp không cấp điện vĩnh viễn (không cấp điện kéo dài 06 tháng liên tục cũng được coi là không cấp điện vĩnh viễn): Tiền bồi thường được xác định theo công thức sau:

$$T_{bt} = A_{dk} \times g_{bt}$$

Trong đó:

T_{bt} - Giá trị bồi thường (đồng)

A_{dk} - sản lượng điện 06 tháng tính theo kế hoạch sử dụng điện tại khoản 6 Điều 1 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này (kWh).

g_{bt} - giá bán điện bậc thang thứ ba đối với mục đích sử dụng điện sinh hoạt; giá bán điện giờ bình thường đối với mục đích sử dụng điện ngoài sinh hoạt theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (đ/kWh).

2. Trường hợp có cấp điện nhưng không đúng với kế hoạch đã cam kết:
 - a) Cấp điện chậm so với thời gian đã cam kết:

$$T_{bt} = L_b \times T_{db} \times n_c$$

Trong đó:

T_{bt} - Giá trị bồi thường (đồng)

L_b - Lãi suất do hai bên thỏa thuận tại Điều 4 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này của Ngân hàng Bên B có tài khoản ghi trong Hợp đồng tại thời điểm thanh toán.

T_{db} - Tổng dự toán công trình (do Bên B đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm cả công trình sử dụng và công trình cung ứng điện).

n_c - Số ngày chậm cấp điện của Bên A.

- b) Đã cấp điện nhưng công suất cấp thấp hơn kế hoạch sử dụng của Bên B đã cam kết:

$$T_{bt} = L_b \times T_{db} \times k$$

Trong đó:

k - hệ số bồi thường (%) căn cứ công suất lớn nhất cấp cho Bên B sử dụng ($P_{cấp}$)

Nếu $P_{cấp}$ đạt từ 30% đến dưới 50% P_{max} : $k = 40 \%$

Nếu $P_{cấp}$ đạt từ 10% đến dưới 30% P_{max} : $k = 60 \%$

Nếu $P_{cấp} < 10\% P_{max}$: $k = 80 \%$

Ngoài mức bồi thường thiệt hại trên, trong mọi trường hợp, Bên A còn phải chịu tiền phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% tiền bồi thường.

Điều 4. Bên B bồi thường và phạt vi phạm hợp đồng cho Bên A

Trường hợp Bên B không sử dụng điện theo kế hoạch đã cam kết tại khoản 6 Điều 1 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng, trừ trường hợp miễn trách nhiệm theo quy định tại Điều 5 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG, Bên B phải bồi thường cho Bên A với giá trị như sau:

1. Trường hợp không sử dụng vĩnh viễn (không sử dụng điện kéo dài 6 tháng liên tục trở lên): Tiền bồi thường bằng giá trị thiệt hại trực tiếp do hành vi không sử dụng điện gây nên bao gồm: Toàn bộ chi phí đã thực hiện đầu tư và chi phí tháo dỡ công trình để hoàn trả mặt bằng.
2. Trường hợp có sử dụng nhưng không đúng với kế hoạch đã cam kết:
 - a) Sử dụng chậm so với thời gian đã cam kết:

$$T_{bt} = L_a \times T_{da} \times n_c$$

Trong đó:

T_{bt} - Giá trị bồi thường (đồng)

L_a - Lãi suất do hai bên thỏa thuận tại Điều 4 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này của Ngân hàng Bên A có tài khoản ghi trong Hợp đồng tại thời điểm thanh toán.

T_{da} - Tổng dự toán công trình (do Bên A đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

n_s - Số ngày sử dụng chậm của Bên B.

- b) Đã sử dụng nhưng thấp hơn kế hoạch đã cam kết:

$$T_{bt} = L_a \times T_{da} \times k$$

Trong đó:

k - hệ số bồi thường (%) căn cứ điện năng sử dụng của Bên B (A_{sd})

Nếu A_{sd} đạt từ 30% đến dưới 50% A_{kh} : $k = 40 \%$

Nếu A_{sd} đạt từ 10% đến dưới 30% A_{kh} : $k = 60 \%$

Nếu $A_{sd} < 10\% A_{kh}$: $k = 80 \%$

Ngoài mức bồi thường thiệt hại trên, trong mọi trường hợp, Bên B còn phải chịu tiền phạt vi phạm hợp đồng bằng 8% tiền bồi thường.

Điều 5. Trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm và Bất khả kháng

1. Các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm

a) Bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm trong các trường hợp sau đây:

- Xảy ra trường hợp miễn trách nhiệm mà các bên đã thoả thuận;
 - Xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia;
 - Hành vi vi phạm của một bên do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng.
- b) Bên vi phạm hợp đồng có nghĩa vụ thông báo cho bên bị vi phạm và chứng minh các trường hợp miễn trách nhiệm.

2. Bất khả kháng

a) Trong Hợp đồng, “Bất khả kháng” có nghĩa là sự kiện, tình huống hoặc sự kết hợp các sự kiện hoặc tình huống gây cản trở, gây trì hoãn cho một bên trong việc thực hiện toàn bộ hay một phần các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nhưng chỉ khi các sự kiện hoặc tình huống đó thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nằm ngoài khả năng kiểm soát hợp lý của bên bị ảnh hưởng;
 - Không do lỗi hoặc sự bất cẩn của bên bị ảnh hưởng;
 - Không thể tránh được cho dù bên bị ảnh hưởng đã nỗ lực áp dụng các biện pháp khắc phục.
- b) Theo các quy định của khoản a điều này, Bất khả kháng bao gồm, nhưng không giới hạn ở các trường hợp sau:
- Các hiện tượng tự nhiên bao gồm thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, lũ lụt, sóng thần, xoáy lốc, hạn hán, động đất cao hơn cấp thiết kế, sấm sét cao hơn mức thiết kế;
 - Chiến tranh, hành động xâm lược, khủng bố, bạo loạn, nội chiến, phá hoại hoặc các hành động thù địch khác;

- Bãi công và các hoạt động ngừng trệ công việc không phải do lỗi của một trong hai bên gây ra.
- c) Không lệ thuộc vào quy định tại khoản a điều này, Bất khả kháng không bao gồm:
 - Chi phí gia tăng hoặc các điều kiện bất lợi khác;
 - Việc Bên B không tuân thủ các tiêu chuẩn đấu nối lưới điện hoặc các tiêu chuẩn khác áp dụng cho việc đấu nối.
- d) Thông báo Bất khả kháng
Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng phải thông báo cho bên kia về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không được muộn hơn một (01) ngày kể từ khi thông tin liên lạc đã sẵn sàng. Thông báo phải bao gồm đầy đủ chi tiết về sự kiện, tình huống tạo thành Bất khả kháng, tác động của Bất khả kháng đối với việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của bên bị ảnh hưởng và kiên nghị các biện pháp khắc phục. Bên bị ảnh hưởng phải cung cấp các báo cáo thường xuyên cho bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của Bất khả kháng và các thông tin khác mà bên kia yêu cầu một cách hợp lý.
- e) Hậu quả của Bất khả kháng
Không bên nào phải chịu trách nhiệm hoặc bị coi là vi phạm hợp đồng hoặc có lỗi do không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi xảy ra Bất khả kháng.
- f) Nếu một bên do Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng trong vòng 180 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra Bất khả kháng, các bên sau đó có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng. Bên thực hiện quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn phải gửi văn bản thông báo cho bên kia trước ít nhất 60 ngày thời điểm muốn chấm dứt Hợp đồng.
- g) Các nghĩa vụ phát sinh trước khi xảy ra Bất khả kháng đều không được miễn trừ do Bất khả kháng.

Điều 6. Phương thức thanh toán tiền bồi thường và tiền phạt

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Bên vi phạm nhận được yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc ngày có kết luận của Tòa án nhân dân có thẩm quyền, bên vi phạm có trách nhiệm thanh toán đủ số tiền đã thông báo. Quá thời hạn trên mà chưa thanh toán thì:

1. Nếu Bên B được bồi thường thì có quyền khấu trừ vào tiền mua điện hàng tháng khi thực hiện hợp đồng mua bán điện.
2. Nếu Bên A được bồi thường thì có quyền yêu cầu ngân hàng bảo lãnh của Bên B thay mặt Bên B thanh toán số tiền bồi thường và tiền phạt cho Bên A.

Ngoài ra, Bên B sẽ phải thanh toán thêm nếu giá trị nêu trong thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng không đủ để thanh toán tiền bồi thường, tiền phạt.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp

Hai bên cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng này. Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên sẽ thương lượng để giải quyết. Nếu thương lượng không thành, một trong hai bên hoặc hai bên có quyền gửi hồ sơ đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Một trong các bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bên kia không thực hiện đúng các nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng này, trừ trường hợp được miễn trách nhiệm theo quy định tại Điều 5 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG của Hợp đồng này. Thông báo đơn phương chấm hợp đồng phải được gửi cho bên vi phạm tối thiểu 30 ngày trước ngày chấm dứt hợp đồng.
2. Trừ trường hợp một trong các bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều này, hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng này khi Bên B sử dụng điện 01 tháng đạt sản lượng từ 50% trở lên so với mức đã đăng ký trong giai đoạn sản xuất chính thức tại điểm c khoản 6 Điều 1 phần CÁC ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ của Hợp đồng này ($A_{sd} \geq 50\% A_{kh}$). Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cuối cùng của tháng mà Bên B sử dụng điện đạt từ 50% A_{kh} trở lên như nêu trên, hai bên có trách nhiệm thực hiện thủ tục ký Biên bản chấm dứt Hợp đồng này.

Điều 9. Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Hợp đồng và các tài liệu giao dịch liên quan đến hợp đồng được viết bằng tiếng Việt.

Điều 10. Luật áp dụng

Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật Việt Nam.